

UNIT 6. OUR TET HOLIDAY

Skills 1 – Unit 6 – Tiếng Anh 6 – Global Success

Reading

1. Reading the passages and decide who says sentences 1-5.

(Đọc các đoạn văn và quyết định ai nói các câu 1-5.)



I often go to Times Square with my parents to welcome the New Year. When the clock strikes midnight, colourful fireworks light up the sky. Everybody cheers and sings.



On New Year's Day, we dress beautifully and go to our grandparents' houses. We wish them Happy New Year and they give us lucky money. Then we go out and have a day full of fun.



I learn some customs about Tet from my parents. People give rice to wish for enough food and buy salt to wish for good luck. Dogs are lucky animals but cats are not. A cat's cry sounds like "poor" in Vietnamese.

A. Russ B. Wu C. Mai

Statements	Who
1. Dogs are lucky animals.	C
2. We welcome the New Year at Times Square.	
3. Children get lucky money.	
4. We give rice to wish for enough food.	
5. Children dress beautifully.	

Phương pháp:

Tạm dịch bài đọc:

Russ – Mỹ: Tôi thường cùng bố mẹ đến Quảng trường Thời đại để đón năm mới. Khi đồng hồ điểm nửa đêm, những chùm pháo hoa đầy màu sắc thấp sáng bầu trời. Mọi người cổ vũ và hát.

Wu – Trung Quốc: Ngày Tết, chúng tôi ăn mặc đẹp và về nhà ông bà ngoại. Chúng tôi chúc họ năm mới hạnh phúc và họ cho chúng tôi lì xì. Sau đó chúng tôi đi chơi và có một ngày đầy niềm vui.

Mai – Việt Nam: Tôi học một số phong tục về Tết từ cha mẹ tôi. Người ta cho gạo để cầu mong đủ ăn, mua muối để cầu may. Chó là loài động vật may mắn nhưng mèo thì không. Tiếng kêu của mèo nghe có vẻ "tội nghiệp" trong tiếng Việt.

Lời giải chi tiết:

2. A	3. A	4. C	5. B
------	------	------	------

Statements (Câu nói)	Who (Ai)
1. Dogs are lucky animals. (Chó là loài vật may mắn.)	C
2. We welcome the New Year at Times Square. (Chúng tôi đón năm mới tại Quảng trường Thời đại.)	A
3. Children get lucky money. (Trẻ em được lì xì.)	A
4. We give rice to wish for enough food. (Chúng ta cho gạo để mong có đủ thức ăn.)	C
5. Children dress beautifully. (Trẻ em ăn mặc đẹp.)	B

2. Test your memory!

Tick (✓) the things which appear in the passages and cross (x) the ones which don't.

(Đánh dấu (✓) sự việc xuất hiện trong bài đọc và đánh dấu (x) cho sự việc không xuất hiện trong bài đọc.)

a. lucky money		b. a day full of fun	
c. a cat's cry		d. decorating the house	
e. fireworks		f. saying wishes	
g. cheering and singing		h. visiting relatives	

Phương pháp:

a. lucky money: tiền lì xì

b. a day full of fun: một ngày ngập tràn niềm vui

- c. a cat's cry: tiếng mèo kêu
- d. decorating the house: trang trí nhà
- e. fireworks: pháo hoa
- f. saying wishes: chúc điều tốt đẹp
- g. cheering and singing: reo hò và hát
- h. visiting relatives: thăm họ hàng

Lời giải chi tiết:

- The things appear in the passages: a, b, c, e, f, g
(Những sự việc xuất hiện trong bài đọc: a, b, c, e, g)
- The things don't appear in the passages: d, h
(Những sự việc không xuất hiện trong bài đọc: d, f)

Speaking

3. Work in groups. These are some activities from the reading passages in 1. Tell your group if you do them during Tet.

(Làm việc theo nhóm. Có một số hoạt động từ bài đọc bài 1. Kể cho nhóm em nghe em có làm những hoạt động này vào ngày Tết không.)

Example: (Ví dụ:)

go to Times Square to welcome the New Year
=> I don't go to Times Square to welcome the New Year.
(Tôi không đến Quảng trường Thời đại để đón Năm mới.)

1. watch fireworks on New Year's Eve
2. sing when the New Year comes
3. get lucky money
4. go out and have fun
5. dress beautifully
6. buy salt for happiness

Phương pháp:

Tạm dịch các hoạt động:

1. xem pháo hoa vào đêm giao thừa
2. hát khi Năm mới đến
3. nhận lì xì
4. đi vui chơi
5. ăn mặc đẹp

6. mua muối để được hạnh phúc

Lời giải chi tiết:

- I always watch fireworks on New Year's Eve.

(Tôi luôn xem pháo hoa vào đêm giao thừa.)

- I don't sing when the New Year comes.

(Khi Tết đến tôi không hát.)

- I always get lucky money at Tet.

(Tết nào tôi cũng được lì xì.)

- I usually go out and have fun with my friends.

(Tôi thường đi vui chơi với bạn bè.)

- I always dress beautifully at Tet.

(Tôi luôn ăn mặc đẹp vào dịp Tết.)

- I don't buy salt for happiness.

(Tôi không mua muối để có niềm vui.)

4. Work in groups. Read the list and discuss what you should or shouldn't do at Tet.

(Làm việc theo nhóm. Đọc danh sách và thảo luận việc em nên hoặc không nên làm vào dịp Tết.)

- | | |
|------------------------------|------------------------|
| - break things | - play games all night |
| - make a wish | - invite friends home |
| - dress beautifully | - ask for lucky money |
| - say "Have fun!" to friends | - play loud music |
| - help decorate our houses | |

Example: (Ví dụ:)

A: We should dress beautifully at Tet.

(Chúng ta nên ăn mặc đẹp vào ngày Tết.)

B: I agree. Should we ask for lucky money?

(Mình đồng ý. Chúng mình có nên xin lì xì không nhỉ?)

C: No, we shouldn't.

(Không, chúng ta không nên.)

Phương pháp:

- break things: làm vỡ đồ
- make a wish: có điều ước
- dress beautifully: ăn mặc đẹp

- say "Have fun!" to friends: nói “Chúc vui vẻ” với bạn
- help decorate our houses: giúp trang trí nhà cửa
- play games all night: chơi trò chơi cả đêm
- invite friends home: mời bạn đến nhà chơi
- ask for lucky money: hỏi xin tiền lì xì
- play loud music: chơi nhạc to

Lời giải chi tiết:

A: We should help decorate our houses.

(Chúng ta nên giúp trang trí nhà cửa.)

B: I agree. Should we play games all night?

(Mình đồng ý. Chúng mình có nên chơi trò chơi cả đêm không nhỉ?)

C: No, we shouldn't.

(Không, chúng ta không nên.)